

**BỘ TÀI NGUYÊN
VÀ MÔI TRƯỜNG - BỘ NỘI VỤ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 55/2015/TTLT-BTNMT-BNV

Hà Nội, ngày 08 tháng 12 năm 2015

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH
Quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức
chuyên ngành kiểm soát khí tượng thủy văn*Căn cứ Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2010;**Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;**Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;**Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;**Căn cứ Nghị định số 58/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;**Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư liên tịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kiểm soát khí tượng thủy văn.***Chương I**
QUY ĐỊNH CHUNG**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Thông tư liên tịch này quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương theo chức danh nghề nghiệp đối với viên chức chuyên ngành kiểm soát khí tượng thủy văn.

2. Thông tư liên tịch này áp dụng đối với viên chức chuyên ngành kiểm soát khí tượng thủy văn làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 2. Mã số và phân hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kiểm soát khí tượng thủy văn

- | | |
|---|-------------------|
| 1. Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng II | Mã số: V.06.04.10 |
| 2. Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng III | Mã số: V.06.04.11 |
| 3. Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng IV | Mã số: V.06.04.12 |

Điều 3. Tiêu chuẩn chung về đạo đức nghề nghiệp của viên chức chuyên ngành kiểm soát khí tượng thủy văn

1. Có tinh thần trách nhiệm cao với công việc được giao, luôn tuân thủ pháp luật; thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ của người viên chức trong hoạt động nghề nghiệp.

2. Có tinh thần cầu thị, hợp tác và không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn, tích cực nghiên cứu và chủ động áp dụng các thành tựu khoa học trong công tác kiểm soát khí tượng thủy văn; tâm huyết với công việc.

3. Không lợi dụng chức danh, quyền hạn để hoạt động xâm hại đến quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia; không mưu cầu lợi ích cá nhân; giữ gìn bí mật quốc gia trong phạm vi chuyên môn của mình.

4. Có lối sống lành mạnh, gương mẫu; không quan liêu, tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và tích cực đấu tranh với những hành vi tiêu cực.

5. Trung thực, đoàn kết, khách quan, khiêm tốn và không sách nhiễu, gây cản trở khi thực hiện nhiệm vụ có liên quan đến quyền và lợi ích của công dân.

Chương II

TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

Điều 4. Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng II - Mã số: V.06.04.10**1. Nhiệm vụ:**

a) Chủ trì việc lập kế hoạch thu thập tài liệu, tổ chức thực hiện công tác kiểm soát số liệu khí tượng, thủy văn, hải dương, môi trường, định vị sét (sau đây gọi chung là khí tượng thủy văn) theo chức trách được giao;

b) Chủ trì thẩm tra việc chỉnh biên số liệu, các hồ sơ văn bản về chỉnh biên số liệu khí tượng thủy văn theo thẩm quyền; đánh giá kết quả phân tích, tính toán, lập biểu và thuyết minh chỉnh biên; đề xuất những giải pháp kỹ thuật để nâng cao chất lượng chỉnh biên số liệu khí tượng thủy văn;

d) Chủ trì đề xuất và tham gia chỉ đạo công tác kiểm tra kỹ thuật mạng lưới trạm và các thiết bị quan trắc; đánh giá tình hình hoạt động, kết quả quan trắc các yếu tố khí tượng thủy văn;

đ) Chủ trì việc tổng kết đánh giá kết quả, rút kinh nghiệm về công tác chỉnh biên, kiểm soát số liệu khí tượng thủy văn theo chức trách được giao; tư vấn, đề xuất những giải pháp kỹ thuật để nâng cao chất lượng chỉnh biên số liệu khí tượng thủy văn;

e) Tham gia các đề tài nghiên cứu; xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về quan trắc, kiểm soát số liệu khí tượng thủy văn;

g) Tham gia biên soạn tài liệu và đào tạo, bồi dưỡng cho viên chức chuyên ngành kiểm soát khí tượng thủy văn từ hạng tương đương trở xuống; tập huấn sử dụng các phần mềm chỉnh biên, kiểm soát số liệu khí tượng thủy văn.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Tốt nghiệp đại học trở lên thuộc các chuyên ngành khí tượng, thủy văn, hải văn, hải dương, môi trường hoặc chuyên ngành khác có liên quan; nếu tốt nghiệp chuyên ngành khác phải hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành do cơ quan quản lý viên chức chuyên ngành kiểm soát khí tượng thủy văn quy định;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (sau đây viết tắt là Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT);

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin (sau đây viết tắt là Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT);

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng II.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Nắm được chiến lược phát triển ngành khí tượng thủy văn;

b) Có kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực điều tra cơ bản khí tượng thủy văn, đủ năng lực chuyên môn để thực hiện công tác kiểm soát;

c) Nắm vững tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan đến lĩnh vực quản lý và quan trắc số liệu điều tra cơ bản khí tượng thủy văn;

d) Nắm vững tính năng, tác dụng của các loại máy, trang thiết bị quan trắc, các phương pháp tính toán chỉnh biên số liệu khí tượng thủy văn;

đ) Nắm vững phần mềm chuyên môn để thực hiện và giám sát công tác kiểm soát số liệu khí tượng thủy văn;

e) Nắm vững điều kiện địa lý - khí hậu và nhân tố khác ảnh hưởng đến chất lượng số liệu khí tượng thủy văn;

g) Có khả năng tổ chức triển khai hoạt động kiểm soát số liệu khí tượng thủy văn;

h) Tham gia ít nhất 01 (một) đề án, dự án, đề tài, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp bộ trở lên hoặc chủ trì 01 (một) đề án, dự án, đề tài, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được nghiệm thu ở mức đạt trở lên.

4. Việc thăng hạng chức danh kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng II:

Viên chức thăng hạng từ chức danh kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng III lên chức danh kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng II phải có thời gian công tác giữ chức danh kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng III hoặc tương đương từ đủ 09 (chín) năm trở lên, trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng III từ đủ 02 (hai) năm trở lên.

Điều 5. Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng III - Mã số: V.06.04.11

1. Nhiệm vụ:

- a) Thẩm định kết quả chỉnh biên, hồ sơ văn bản về số liệu khí tượng thủy văn;
- b) Phân tích, đánh giá kết quả tính toán, lập biểu và thuyết minh chỉnh biên; đề xuất những giải pháp kỹ thuật để nâng cao chất lượng chỉnh biên số liệu khí tượng thủy văn;
- c) Đề xuất, tham gia chỉ đạo công tác kiểm tra kỹ thuật mạng lưới trạm và các thiết bị quan trắc; đánh giá kết quả quan trắc các yếu tố khí tượng thủy văn;
- d) Tham gia các đề tài nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực điều tra cơ bản khí tượng thủy văn; tham gia biên soạn tài liệu kỹ thuật phục vụ công tác kiểm soát, chỉnh biên số liệu khí tượng thủy văn;
- đ) Tham gia tổng kết, rút kinh nghiệm về công tác kiểm soát, chỉnh biên số liệu khí tượng thủy văn theo chức trách được giao; đề xuất giải pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác kiểm soát, chỉnh biên số liệu khí tượng thủy văn;
- e) Lập báo cáo kiểm soát số liệu khí tượng thủy văn; chịu trách nhiệm chính về kết quả báo cáo kiểm soát;
- g) Tham gia biên soạn tài liệu và đào tạo, bồi dưỡng cho viên chức chuyên ngành kiểm soát khí tượng thủy văn từ hạng tương đương trở xuống.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

- a) Tốt nghiệp đại học trở lên thuộc các chuyên ngành khí tượng, thủy văn, hải văn, hải dương, môi trường hoặc chuyên ngành khác có liên quan; nếu tốt nghiệp chuyên ngành khác phải hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành do cơ quan quản lý viên chức chuyên ngành kiểm soát khí tượng thủy văn quy định;
- b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT;

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng III.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Nắm vững chuyên môn về lĩnh vực quan trắc và khảo sát khí tượng thủy văn; đủ năng lực chuyên môn để thực hiện công tác kiểm soát số liệu khí tượng thủy văn;

b) Nắm vững tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về quan trắc số liệu khí tượng thủy văn;

c) Nắm được tính năng, nguyên lý và tác dụng của các loại máy, trang thiết bị quan trắc; hiểu và sử dụng thành thạo các phương pháp tính toán chỉnh biên;

d) Có khả năng sử dụng được phần mềm chuyên môn để thực hiện công tác kiểm soát số liệu khí tượng thủy văn;

đ) Nắm được điều kiện địa lý - khí hậu và nhân tố khác ảnh hưởng đến chất lượng số liệu khí tượng thủy văn.

4. Việc thăng hạng chức danh kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng III:

Viên chức thăng hạng từ chức danh kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng IV lên chức danh kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng III phải có thời gian công tác giữ chức danh kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng IV, như sau:

a) Đối với trường hợp khi tuyển dụng lần đầu có trình độ cao đẳng trở lên phải có thời gian công tác giữ chức danh kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng IV tối thiểu đủ 02 (hai) năm;

b) Đối với trường hợp khi tuyển dụng lần đầu có trình độ trung cấp phải có thời gian công tác giữ chức danh kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng IV tối thiểu đủ 03 (ba) năm.

Điều 6. Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng IV - Mã số: V.06.04.12

1. Nhiệm vụ:

a) Kiểm tra, kiểm soát chất lượng số liệu quan trắc khí tượng thủy văn, phát hiện sai sót, xử lý số liệu theo đúng quy chuẩn kỹ thuật;

b) Kiểm soát cách thức ghi, mã hóa số liệu và thực hiện mã luật hiện hành;

c) Kiểm tra số đọc từ máy tự ghi, các phương pháp tính toán, quy toán giản đồ, xử lý tốt sự cố trên giản đồ tự ghi và các loại trang thiết bị quan trắc;

d) Đánh giá kết quả chỉnh biên theo nhiệm vụ được giao;

đ) Kiểm soát, biên tập báo biểu tài liệu khí tượng thủy văn;